

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM

Số: 763 /QĐ-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước

## THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 07/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2645/QĐ-NHNN ngày 31/12/2018 của Thống đốc NHNN quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các đơn vị NHNN;

Căn cứ quyết định số 2673/QĐ-NHNN ngày 27/12/2019 của Thống đốc NHNN về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản của NHNN;

Căn cứ ý kiến của các Phó Thống đốc kèm theo Tờ trình số 409/TTr-VP2 ngày 08/4/2022 của Văn phòng Ngân hàng Nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính-Kế toán tại Tờ trình số 154/TTr-TCKT3 ngày 20/4/2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch mua sắm tài sản cố định năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước (Chi tiết tại phụ lục 01 đính kèm).

**Điều 2.** Về triển khai thực hiện:

- Về tổ chức mua sắm tập trung: (i). Giao Cục Quản trị mua sắm tập trung đối với máy in chuyên dùng, máy photocopy (chi tiết tại phụ lục số 02a và 02b đính kèm); (ii). Giao Cục Công nghệ thông tin mua sắm tập trung đối với thiết bị tường lửa (chi tiết tại phụ lục số 03 đính kèm).

- Đối với các tài sản còn lại: Giao các đơn vị có nhu cầu trang bị tài sản thực hiện mua sắm căn cứ kế hoạch được Thống đốc phê duyệt và theo phân cấp thẩm quyền.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính-Kế toán, Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ, Cục trưởng Cục Quản trị, Chi Cục trưởng Chi Cục Quản trị, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Chi Cục trưởng Chi Cục Công nghệ thông tin, Cục trưởng Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi Cục trưởng Chi Cục Phát hành và Kho quỹ, Chánh Thanh tra Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng, Giám đốc Sở giao dịch và Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Ban lãnh đạo NHNN (để b/c);
- Vụ truyền thông (để công khai);
- Lưu VP, TCKT3.ĐTLâm. ✓

**KT.THỐNG ĐỐC  
PHÓ THỐNG ĐỐC**



**Đào Minh Tú**

**PHỤ LỤC 01: BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH MUA SẮM TSCĐ NĂM 2022**

(Đính kèm Quyết định số 163/QĐ-NHNN ngày 28/9/2022)

đvt: đồng

| TT | Tên đơn vị                             | Loại tài sản                               | Kế hoạch năm 2022 |                | Trong đó:                 |                |                                                      |                | Ghi chú                        |
|----|----------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------|----------------|---------------------------|----------------|------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------|
|    |                                        |                                            |                   |                | Ghi kế hoạch vốn năm 2022 |                | Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022 |                |                                |
|    |                                        |                                            | SL                | GT             | SL                        | GT             | SL                                                   | GT             |                                |
| 1  | KẾ HOẠCH ĐỀ XUẤT MỚI NĂM 2022          |                                            | 170               | 66.495.000.000 | 58                        | 11.020.000.000 | 112                                                  | 55.475.000.000 |                                |
| 1  | 00100 - Sở Giao Dịch                   | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 1         | 2                 | 159.000.000    | 0                         | 0              | 2                                                    | 159.000.000    | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                        | Máy kiểm đếm đa năng                       | 1                 | 100.000.000    | 1                         | 100.000.000    | 0                                                    | 0              |                                |
| 2  | 00200 - NHNN Chi nhánh An Giang        | Máy bơm chữa cháy                          | 1                 | 50.000.000     | 1                         | 50.000.000     | 0                                                    | 0              |                                |
|    |                                        | Máy photocopy thường                       | 1                 | 90.000.000     | 0                         | 0              | 1                                                    | 90.000.000     | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 3  | 00300 - NHNN Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2         | 1                 | 52.000.000     | 0                         | 0              | 1                                                    | 52.000.000     | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                        | Máy in Laser A4 chuyên dùng                | 2                 | 74.000.000     | 0                         | 0              | 2                                                    | 74.000.000     | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 4  | 00400 - NHNN Chi nhánh Bạc Liêu        | Xe nâng hàng, thang nâng hàng              | 1                 | 387.000.000    | 1                         | 387.000.000    | 0                                                    | 0              |                                |
| 5  | 00500 - NHNN Chi nhánh Bắc Cạn         | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000    | 0                         | 0              | 1                                                    | 360.000.000    | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                        | bảng điện tử Led chạy chữ trụ sở           | 1                 | 90.000.000     | 1                         | 90.000.000     | 0                                                    | 0              |                                |
| 6  | 00600 - NHNN Chi nhánh Bắc Giang       | Máy bó tiền tự động                        | 1                 | 65.000.000     | 1                         | 65.000.000     | 0                                                    | 0              |                                |
|    |                                        | hệ thống chữa cháy tự động bằng khí        | 1                 | 1.806.000.000  | 0                         | 0              | 1                                                    | 1.806.000.000  |                                |
| 7  | 00700 - NHNN Chi nhánh Bắc Ninh        | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000    | 0                         | 0              | 1                                                    | 360.000.000    | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
| 8  | 00800 - NHNN Chi nhánh Bến Tre         | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000    | 0                         | 0              | 1                                                    | 360.000.000    | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                        | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2         | 1                 | 52.000.000     | 0                         | 0              | 1                                                    | 52.000.000     | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 9  | 00900 - NHNN Chi nhánh Bình Dương      | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000    | 0                         | 0              | 1                                                    | 360.000.000    | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                        | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2         | 1                 | 52.000.000     | 0                         | 0              | 1                                                    | 52.000.000     | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 10 | 01000 - NHNN Chi nhánh Bình Định       | Két sắt                                    | 1                 | 47.000.000     | 1                         | 47.000.000     | 0                                                    | 0              |                                |
| 11 | 01100 - NHNN Chi nhánh Bình Phước      | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000    | 0                         | 0              | 1                                                    | 360.000.000    | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                        | Máy in Laser A4 chuyên dùng                | 1                 | 37.000.000     | 0                         | 0              | 1                                                    | 37.000.000     | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 13 | 01300 - NHNN Chi nhánh Cà mau          | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000    | 0                         | 0              | 1                                                    | 360.000.000    | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
| 14 | 01400 - NHNN Chi nhánh Cao Bằng        | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000    | 0                         | 0              | 1                                                    | 360.000.000    | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                        | Thiết bị tin học khác                      | 0                 | 0              | 0                         | 0              | 0                                                    | 0              |                                |
| 15 | 01500 - NHNN Chi nhánh Cần Thơ         | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000    | 0                         | 0              | 1                                                    | 360.000.000    | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                        | Điều hoà từ 36.000 BTU đến dưới 50.000 BTU | 1                 | 45.000.000     | 1                         | 45.000.000     | 0                                                    | 0              |                                |

| TT | Tên đơn vị                            | Loại tài sản                               | Kế hoạch năm 2022 |             | Trong đó:                 |             |                                                      |             | Ghi chú                        |
|----|---------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------|-------------|---------------------------|-------------|------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------|
|    |                                       |                                            |                   |             | Ghi kế hoạch vốn năm 2022 |             | Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022 |             |                                |
|    |                                       |                                            | SL                | GT          | SL                        | GT          | SL                                                   | GT          |                                |
| 16 | 01600 - NHNN Chi nhánh Đà Nẵng        | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2         | 1                 | 52.000.000  | 0                         | 0           | 1                                                    | 52.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                       | Máy in Laser A4 chuyên dùng                | 1                 | 37.000.000  | 0                         | 0           | 1                                                    | 37.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 17 | 01700 - NHNN Chi nhánh Đắk Lắk        | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
| 18 | 01800 - NHNN Chi nhánh Đắk Nông       | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2         | 1                 | 52.000.000  | 0                         | 0           | 1                                                    | 52.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                       | Điều hoà từ 36.000 BTU đến dưới 50.000 BTU | 1                 | 42.000.000  | 1                         | 42.000.000  | 0                                                    | 0           |                                |
| 19 | 01900 - NHNN Chi nhánh Điện Biên      | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Máy photocopy thường                       | 1                 | 90.000.000  | 0                         | 0           | 1                                                    | 90.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 20 | 02000 - NHNN Chi nhánh Đồng Nai       | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2         | 1                 | 52.000.000  | 0                         | 0           | 1                                                    | 52.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                       | Hệ thống Camera                            | 1                 | 663.000.000 | 1                         | 663.000.000 | 0                                                    | 0           |                                |
| 22 | 02200 - NHNN Chi nhánh Gia Lai        | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2         | 1                 | 52.000.000  | 0                         | 0           | 1                                                    | 52.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 23 | 02300 - NHNN Chi nhánh Hà Giang       | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Hệ thống Camera                            | 1                 | 200.000.000 | 1                         | 200.000.000 | 0                                                    | 0           |                                |
| 24 | 02400 - NHNN Chi nhánh Hà Nam         | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
| 26 | 02600 - NHNN Chi nhánh Hà Tĩnh        | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Máy in Laser A4 chuyên dùng                | 1                 | 37.000.000  | 0                         | 0           | 1                                                    | 37.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 27 | 02700 - NHNN Chi nhánh Hải Dương      | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Thang máy                                  | 1                 | 330.000.000 | 1                         | 330.000.000 | 0                                                    | 0           |                                |
| 28 | 02800 - NHNN Chi nhánh Hải Phòng      | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Máy photocopy thường                       | 1                 | 90.000.000  | 0                         | 0           | 1                                                    | 90.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 29 | 02900 - NHNN Chi nhánh Hậu Giang      | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
| 30 | 03000 - NHNN Chi nhánh Hòa Bình       | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Máy photocopy thường                       | 1                 | 90.000.000  | 0                         | 0           | 1                                                    | 90.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 31 | 03100 - NHNN Chi nhánh Thừa Thiên Huế | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Hệ thống và thiết bị âm thanh phòng họp    | 1                 | 170.000.000 | 1                         | 170.000.000 | 0                                                    | 0           |                                |
| 32 | 03200 - NHNN Chi nhánh Hưng Yên       | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
| 33 | 03300 - NHNN Chi nhánh Kiên Giang     | Hệ thống và thiết bị tường lửa             | 1                 | 360.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
| 34 | 03400 - NHNN Chi nhánh Kon Tum        | Máy in Laser A4 chuyên dùng                | 1                 | 37.000.000  | 0                         | 0           | 1                                                    | 37.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |

| TT | Tên đơn vị                        | Loại tài sản                            | Kế hoạch năm 2022 |               | Trong đó:                 |               |                                                      |             | Ghi chú                        |
|----|-----------------------------------|-----------------------------------------|-------------------|---------------|---------------------------|---------------|------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------|
|    |                                   |                                         |                   |               | Ghi kế hoạch vốn năm 2022 |               | Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022 |             |                                |
|    |                                   |                                         | SL                | GT            | SL                        | GT            | SL                                                   | GT          |                                |
| 35 | 03500 - NHNN Chi nhánh Khánh Hòa  | Hệ thống và thiết bị tường lửa          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0             | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                   | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2      | 2                 | 104.000.000   | 0                         | 0             | 2                                                    | 104.000.000 | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                   | Máy in Laser A4 chuyên dùng             | 1                 | 37.000.000    | 0                         | 0             | 1                                                    | 37.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 36 | 03600 - NHNN Chi nhánh Lai Châu   | Hệ thống và thiết bị âm thanh phòng họp | 1                 | 137.000.000   | 1                         | 137.000.000   | 0                                                    | 0           |                                |
| 37 | 03700 - NHNN Chi nhánh Lạng Sơn   | Hệ thống và thiết bị tường lửa          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0             | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                   | Bốt gác                                 | 2                 | 100.000.000   | 2                         | 100.000.000   | 0                                                    | 0           |                                |
| 38 | 03800 - NHNN Chi nhánh Lào Cai    | Hệ thống và thiết bị tường lửa          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0             | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
| 39 | 03900 - NHNN Chi nhánh Lâm Đồng   | Hệ thống và thiết bị tường lửa          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0             | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
| 40 | 04000 - NHNN Chi nhánh Long An    | Máy in Laser A4 chuyên dùng             | 2                 | 74.000.000    | 0                         | 0             | 2                                                    | 74.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 41 | 04100 - NHNN Chi nhánh Nam Định   | Hệ thống và thiết bị âm thanh phòng họp | 1                 | 41.000.000    | 1                         | 41.000.000    | 0                                                    | 0           |                                |
|    |                                   | Bốt gác                                 | 1                 | 45.000.000    | 1                         | 45.000.000    | 0                                                    | 0           |                                |
| 43 | 04300 - NHNN Chi nhánh Ninh Thuận | Hệ thống và thiết bị tường lửa          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0             | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                   | Máy in Laser A4 chuyên dùng             | 1                 | 37.000.000    | 0                         | 0             | 1                                                    | 37.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                   | Máy bơm chữa cháy                       | 1                 | 230.000.000   | 1                         | 230.000.000   | 0                                                    | 0           |                                |
| 44 | 04400 - NHNN Chi nhánh Nghệ an    | Hệ thống và thiết bị tường lửa          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0             | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                   | Xe nâng hàng, thang nâng hàng           | 2                 | 1.180.000.000 | 2                         | 1.180.000.000 | 0                                                    | 0           |                                |
| 45 | 04500 - NHNN Chi nhánh Phú Thọ    | Hệ thống và thiết bị tường lửa          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0             | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                   | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2      | 1                 | 52.000.000    | 0                         | 0             | 1                                                    | 52.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 46 | 04600 - NHNN Chi nhánh Phú Yên    | Hệ thống và thiết bị tường lửa          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0             | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                   | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2      | 1                 | 52.000.000    | 0                         | 0             | 1                                                    | 52.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                   | Cửa chống ngập kho tiền                 | 2                 | 450.000.000   | 0                         | 0             | 2                                                    | 450.000.000 |                                |
| 47 | 04700 - NHNN Chi nhánh Quảng Bình | Máy photocopy thường                    | 1                 | 90.000.000    | 0                         | 0             | 1                                                    | 90.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 48 | 04800 - NHNN Chi nhánh Quảng Nam  | Hệ thống và thiết bị tường lửa          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0             | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
| 50 | 05000 - NHNN Chi nhánh Quảng Ngãi | Hệ thống và thiết bị tường lửa          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0             | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                   | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2      | 1                 | 52.000.000    | 0                         | 0             | 1                                                    | 52.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                   | Máy in Laser A4 chuyên dùng             | 1                 | 37.000.000    | 0                         | 0             | 1                                                    | 37.000.000  | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 51 | 05100 - NHNN Chi nhánh Quảng Trị  | Hệ thống và thiết bị tường lửa          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0             | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
| 52 | 05200 - NHNN Chi nhánh Sóc Trăng  | Hệ thống và thiết bị tường lửa          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0             | 1                                                    | 360.000.000 | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                   | Máy bó tiền tự động                     | 1                 | 65.000.000    | 1                         | 65.000.000    | 0                                                    | 0           |                                |
|    |                                   | Máy phát điện 125KVA                    | 1                 | 500.000.000   | 1                         | 500.000.000   | 0                                                    | 0           |                                |

| TT | Tên đơn vị                            | Loại tài sản                                            | Kế hoạch năm 2022 |               | Trong đó:                 |             |                                                      |               | Ghi chú                        |
|----|---------------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------|---------------|---------------------------|-------------|------------------------------------------------------|---------------|--------------------------------|
|    |                                       |                                                         |                   |               | Ghi kế hoạch vốn năm 2022 |             | Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022 |               |                                |
|    |                                       |                                                         | SL                | GT            | SL                        | GT          | SL                                                   | GT            |                                |
| 53 | 05300 - NHNN Chi nhánh Sơn La         | Hệ thống và thiết bị tường lửa                          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000   | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Xe nâng hàng, thang nâng hàng                           | 1                 | 590.000.000   | 1                         | 590.000.000 | 0                                                    | 0             |                                |
| 54 | 05400 - NHNN Chi nhánh Tây Ninh       | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2                      | 1                 | 52.000.000    | 0                         | 0           | 1                                                    | 52.000.000    | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 55 | 05500 - NHNN Chi nhánh Tiền Giang     | Hệ thống và thiết bị tường lửa                          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000   | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Máy in Laser A4 chuyên dùng                             | 1                 | 37.000.000    | 0                         | 0           | 1                                                    | 37.000.000    | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 56 | 05600 - NHNN Chi nhánh TP Hồ Chí Minh | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2                      | 1                 | 52.000.000    | 0                         | 0           | 1                                                    | 52.000.000    | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                       | Máy in Laser A4 chuyên dùng                             | 2                 | 74.000.000    | 0                         | 0           | 2                                                    | 74.000.000    | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 57 | 05700 - NHNN Chi nhánh Tuyên Quang    | Hệ thống và thiết bị tường lửa                          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000   | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Máy in Laser A4 chuyên dùng                             | 1                 | 37.000.000    | 0                         | 0           | 1                                                    | 37.000.000    | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                       | Máy bơm chữa cháy                                       | 1                 | 65.000.000    | 1                         | 65.000.000  | 0                                                    | 0             |                                |
| 58 | 05800 - NHNN Chi nhánh Thái Bình      | Hệ thống và thiết bị tường lửa                          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000   | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2                      | 2                 | 104.000.000   | 0                         | 0           | 2                                                    | 104.000.000   | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                       | Máy in Laser A4 chuyên dùng                             | 2                 | 74.000.000    | 0                         | 0           | 2                                                    | 74.000.000    | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                       | Hệ thống và thiết bị âm thanh phòng họp                 | 1                 | 242.000.000   | 1                         | 242.000.000 | 0                                                    | 0             |                                |
| 59 | 05900 - NHNN Chi nhánh Thái Nguyên    | Máy bó tiền tự động                                     | 1                 | 62.000.000    | 1                         | 62.000.000  | 0                                                    | 0             |                                |
|    |                                       | Máy photocopy thường                                    | 1                 | 90.000.000    | 0                         | 0           | 1                                                    | 90.000.000    | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                       | Điều hoà từ 36.000 BTU đến dưới 50.000 BTU              | 3                 | 150.000.000   | 3                         | 150.000.000 | 0                                                    | 0             |                                |
| 60 | 06000 - NHNN Chi nhánh Thanh Hóa      | Hệ thống và thiết bị tường lửa                          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000   | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Bảng điện tử Led chạy chữ trụ sở                        | 1                 | 47.000.000    | 1                         | 47.000.000  | 0                                                    | 0             |                                |
|    |                                       | Máy photocopy thường                                    | 1                 | 90.000.000    | 0                         | 0           | 1                                                    | 90.000.000    | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                       | Điều hoà từ 50.000 BTU trở lên                          | 1                 | 37.000.000    | 1                         | 37.000.000  | 0                                                    | 0             |                                |
| 62 | 06200 - NHNN Chi nhánh Vĩnh Long      | Hệ thống và thiết bị tường lửa                          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000   | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Máy phát điện 200KVA                                    | 1                 | 1.500.000.000 | 0                         | 0           | 1                                                    | 1.500.000.000 |                                |
| 63 | 06300 - NHNN Chi nhánh Vĩnh Phúc      | Hệ thống và thiết bị tường lửa                          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000   | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động cho phòng máy chủ | 1                 | 495.000.000   | 0                         | 0           | 1                                                    | 495.000.000   |                                |
|    |                                       | Điều hoà từ 36.000 BTU đến dưới 50.000 BTU              | 1                 | 43.000.000    | 1                         | 43.000.000  | 0                                                    | 0             |                                |
| 64 | 06400 - NHNN Chi nhánh Yên Bái        | Hệ thống và thiết bị tường lửa                          | 1                 | 360.000.000   | 0                         | 0           | 1                                                    | 360.000.000   | Cục CNTT mua sắm tập trung     |
|    |                                       | Máy bó tiền tự động                                     | 1                 | 70.000.000    | 1                         | 70.000.000  | 0                                                    | 0             |                                |

| TT | Tên đơn vị                                       | Loại tài sản                                                                                                              | Kế hoạch năm 2022 |                 | Trong đó:                 |                 |                                                      |                 | Ghi chú                        |
|----|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------|
|    |                                                  |                                                                                                                           |                   |                 | Ghi kế hoạch vốn năm 2022 |                 | Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022 |                 |                                |
|    |                                                  |                                                                                                                           | SL                | GT              | SL                        | GT              | SL                                                   | GT              |                                |
| 65 | 06600 - Cục Công Nghệ Tin Học                    | "Bổ sung tài nguyên lưu trữ cho trung tâm dữ liệu chính và trung tâm dữ liệu dự phòng"                                    | 1                 | 14.000.000.000  | 0                         | 0               | 1                                                    | 14.000.000.000  |                                |
|    |                                                  | Trang bị phần mềm xác thực 2 thành tố bằng mật khẩu sử dụng một lần (soft OTP)                                            | 1                 | 750.000.000     | 0                         | 0               | 1                                                    | 750.000.000     |                                |
|    |                                                  | UPS loại trên 10 KVA                                                                                                      | 2                 | 2.800.000.000   | 2                         | 2.800.000.000   | 0                                                    | 0               |                                |
|    |                                                  | Máy photocopy thường                                                                                                      | 1                 | 90.000.000      | 0                         | 0               | 1                                                    | 90.000.000      | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                                  | Điều hoà từ 50.000 BTU trở lên                                                                                            | 4                 | 300.000.000     | 4                         | 300.000.000     | 0                                                    | 0               |                                |
| 67 | 06800 - Cục Quản Trị                             | Máy in Laser A4 chuyên dùng                                                                                               | 6                 | 222.000.000     | 0                         | 0               | 6                                                    | 222.000.000     | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                                  | Máy in thẻ                                                                                                                | 1                 | 180.000.000     | 1                         | 180.000.000     | 0                                                    | 0               |                                |
|    |                                                  | Hệ thống chống đột nhập                                                                                                   | 1                 | 700.000.000     | 1                         | 700.000.000     | 0                                                    | 0               |                                |
|    |                                                  | Máy chiếu                                                                                                                 | 1                 | 96.000.000      | 1                         | 96.000.000      | 0                                                    | 0               |                                |
|    |                                                  | Máy photocopy thường                                                                                                      | 4                 | 360.000.000     | 0                         | 0               | 4                                                    | 360.000.000     | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                                  | Máy Scan A3                                                                                                               | 1                 | 165.000.000     | 1                         | 165.000.000     | 0                                                    | 0               |                                |
|    |                                                  | lò nướng công nghiệp                                                                                                      | 3                 | 173.000.000     | 3                         | 173.000.000     | 0                                                    | 0               |                                |
| 68 | 07000 - Chi cục Quản trị NHNN tại TP.HCM         | Xe nâng hàng, thang nâng hàng                                                                                             | 1                 | 200.000.000     | 1                         | 200.000.000     | 0                                                    | 0               |                                |
|    |                                                  | Điều hoà từ 36.000 BTU đến dưới 50.000 BTU                                                                                | 11                | 613.000.000     | 11                        | 613.000.000     | 0                                                    | 0               |                                |
| 71 | 078ZZ - Cơ quan Thanh tra giám sát NH - Tổng hợp | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2                                                                                        | 2                 | 104.000.000     | 0                         | 0               | 2                                                    | 104.000.000     | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                                  | Máy in Laser A4 chuyên dùng                                                                                               | 4                 | 148.000.000     | 0                         | 0               | 4                                                    | 148.000.000     | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
|    |                                                  | Máy photocopy thường                                                                                                      | 2                 | 180.000.000     | 0                         | 0               | 2                                                    | 180.000.000     | Cục Quản trị mua sắm tập trung |
| 72 | 07900 - Cục Phát Hành Và Kho Quỹ                 | hệ thống điều không khử ẩm kho tiền Ao Phên                                                                               | 1                 | 15.000.000.000  | 0                         | 0               | 1                                                    | 15.000.000.000  |                                |
|    |                                                  | hệ thống kiểm soát an ninh                                                                                                | 1                 | 3.000.000.000   | 0                         | 0               | 1                                                    | 3.000.000.000   |                                |
| II | KẾ HOẠCH NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG                   |                                                                                                                           | 60                | 438.266.643.093 | 40                        | 168.931.806.693 | 20                                                   | 269.334.836.400 |                                |
| 1  | An Giang                                         | Xe nâng hàng chạy điện                                                                                                    | 1                 | 915.000.000     | 1                         | 915.000.000     |                                                      |                 |                                |
| 2  | Bạc Liêu                                         | Hệ thống mạng cục bộ                                                                                                      | 1                 | 290.000.000     | 1                         | 290.000.000     |                                                      |                 |                                |
| 3  | Bắc Cạn                                          | Trang bị 02 hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động bằng khí cho kho tiền                                                   | 2                 | 3.000.000.000   |                           |                 | 2                                                    | 3.000.000.000   |                                |
| 4  | Cà Mau                                           | Máy photocopy thường                                                                                                      | 1                 | 90.000.000      | 1                         | 90.000.000      |                                                      |                 |                                |
| 5  | Hải Dương                                        | Hệ thống mạng LAN                                                                                                         | 1                 | 1.218.952.900   |                           |                 | 1                                                    | 1.218.952.900   |                                |
| 6  | Kiên Giang                                       | Hệ thống camera kho tiền                                                                                                  | 1                 | 300.000.000     | 1                         | 300.000.000     |                                                      |                 |                                |
| 7  | Lào Cai                                          | Hệ thống mạng nội bộ (cấu phần "Trang bị hạ tầng truyền dẫn hệ thống mạng LAN Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Lào Cai") | 1                 | 634.193.939     | 1                         | 634.193.939     |                                                      |                 |                                |
|    |                                                  | Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí cho kho tiền                                                                          | 1                 | 1.202.000.000   |                           |                 | 1                                                    | 1.202.000.000   |                                |

| TT | Tên đơn vị   | Loại tài sản                                                                                                | Kế hoạch năm 2022 |                | Trong đó:                 |                |                                                      |                | Ghi chú                                         |
|----|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------|---------------------------|----------------|------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------|
|    |              |                                                                                                             |                   |                | Ghi kế hoạch vốn năm 2022 |                | Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022 |                |                                                 |
|    |              |                                                                                                             | SL                | GT             | SL                        | GT             | SL                                                   | GT             |                                                 |
| 8  | Nam Định     | Trạm biến áp                                                                                                | 1                 | 989.000.000    | 1                         | 989.000.000    |                                                      |                |                                                 |
| 9  | Ninh Thuận   | Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí cho kho tiền                                                            | 1                 | 1.349.957.435  | 1                         | 1.349.957.435  |                                                      |                |                                                 |
| 10 | Phú Thọ      | Trạm biến áp 400KVA                                                                                         | 1                 | 1.500.000.000  | 1                         | 1.500.000.000  |                                                      |                |                                                 |
| 11 | Phú Yên      | Hệ thống cảnh báo và chữa cháy bằng khí cho kho tiền                                                        | 1                 | 1.549.157.257  | 1                         | 1.549.157.257  |                                                      |                |                                                 |
|    |              | Máy bơm chữa cháy bằng động cơ xăng                                                                         | 1                 | 246.000.000    | 1                         | 246.000.000    |                                                      |                |                                                 |
| 12 | Quảng Ngãi   | UPS loại 10KVA                                                                                              | 1                 | 127.000.000    | 1                         | 127.000.000    |                                                      |                |                                                 |
| 13 | Sóc Trăng    | Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí cho kho tiền                                                            | 1                 | 1.237.000.000  |                           |                | 1                                                    | 1.237.000.000  |                                                 |
| 14 | Tây Ninh     | Hệ thống camera quan sát                                                                                    | 1                 | 1.181.829.000  | 1                         | 1.181.829.000  |                                                      |                |                                                 |
| 15 | Yên Bái      | Hệ thống mạng LAN                                                                                           | 1                 | 1.047.645.500  |                           |                | 1                                                    | 1.047.645.500  |                                                 |
| 16 | Cục Quản trị | Máy bỏ tiền tự động (trang bị cho Sở Giao dịch)                                                             | 1                 | 71.000.000     | 1                         | 71.000.000     |                                                      |                |                                                 |
|    |              | Mua sắm tập trung máy in năm 2021                                                                           | 1                 | 2.254.000.000  | 1                         | 2.254.000.000  |                                                      |                |                                                 |
|    |              | 03 máy tính xách tay phục vụ hoạt động điều hành chính sách tiền tệ và dự trữ ngoại hối Nhà nước            | 3                 | 189.802.000    | 3                         | 189.802.000    |                                                      |                |                                                 |
|    |              | Hệ thống camera quan sát trụ sở 25 Lý Thường Kiệt                                                           | 1                 | 7.360.000.000  | 1                         | 7.360.000.000  |                                                      |                |                                                 |
|    |              | Mua sắm bổ sung thiết bị, phần mềm hệ thống kiểm soát ra vào tại các trụ sở NHNN TƯ                         | 1                 | 3.183.096.000  | 1                         | 3.183.096.000  |                                                      |                |                                                 |
|    |              | Trang bị hệ thống âm thanh phòng họp số 01 trụ sở 49 Lý Thái Tổ                                             | 1                 | 3.482.276.400  | 1                         | 3.482.276.400  |                                                      |                |                                                 |
|    |              | Trang bị hệ thống âm thanh sảnh nhà A                                                                       | 1                 | 4.996.000.000  |                           |                | 1                                                    | 4.996.000.000  |                                                 |
| 17 | Cục CNTT     | Mở rộng hệ thống thông tin báo cáo NHNN liên thông với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ                 | 1                 | 906.200.000    | 1                         | 906.200.000    |                                                      |                |                                                 |
|    |              | Trang bị phần mềm quản lý, hỗ trợ xử lý sự cố tập trung (Helpdesk)                                          | 1                 | 9.386.204.000  | 1                         | 9.386.204.000  |                                                      |                |                                                 |
|    |              | Trang bị hệ thống an ninh mạng cho Trung tâm dữ liệu NHNN                                                   | 1                 | 19.898.646.910 | 1                         | 19.898.646.910 |                                                      |                |                                                 |
|    |              | Xây dựng trung tâm điều hành an ninh mạng NHNN (SOC)                                                        | 1                 | 19.836.238.000 |                           |                | 1                                                    | 19.836.238.000 |                                                 |
|    |              | Mua sắm thay thế trang thiết bị mạng cho các đơn vị NHNN                                                    | 1                 | 14.900.000.000 |                           |                | 1                                                    | 14.900.000.000 | Chi tiết theo QĐ số 1006/QĐ-NHNN ngày 18/6/2021 |
|    |              | Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô | 1                 | 19.500.000.000 |                           |                | 1                                                    | 19.500.000.000 |                                                 |
|    |              | Mở rộng, nâng cấp hệ thống SG3.1 đáp ứng các yêu cầu thay đổi                                               | 1                 | 4.800.000.000  |                           |                | 1                                                    | 4.800.000.000  |                                                 |
|    |              | Mua sắm thay thế trang thiết bị CNTT cho trụ sở 25 Lý Thường Kiệt                                           | 1                 | 14.997.000.000 |                           |                | 1                                                    | 14.997.000.000 |                                                 |
|    |              | Thiết bị định tuyến vùng mạng WAN (Kon Tum)                                                                 | 1                 | 400.000.000    |                           |                | 1                                                    | 400.000.000    |                                                 |
|    |              | Thiết bị chuyển mạch vùng mạng nội bộ tại đơn vị (Tuyên Quang)                                              | 1                 | 300.000.000    |                           |                | 1                                                    | 300.000.000    |                                                 |
|    |              | Đầu tư trang bị giải pháp PCRT sử dụng cho Cục Phòng chống rửa tiền - Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng  | 1                 | 45.000.000.000 |                           |                | 1                                                    | 45.000.000.000 |                                                 |

| TT        | Tên đơn vị                           | Loại tài sản                                                                                                                                                 | Kế hoạch năm 2022 |                 | Trong đó:                 |                 |                                                      |                 | Ghi chú                    |
|-----------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------|
|           |                                      |                                                                                                                                                              |                   |                 | Ghi kế hoạch vốn năm 2022 |                 | Phê duyệt kế hoạch triển khai, chưa ghi vốn năm 2022 |                 |                            |
|           |                                      |                                                                                                                                                              | SL                | GT              | SL                        | GT              | SL                                                   | GT              |                            |
| 18        | Chi Cục Quản trị                     | Barie tự động tại trụ sở số 8 Võ Văn Kiệt                                                                                                                    | 1                 | 344.000.000     | 1                         | 344.000.000     |                                                      |                 |                            |
|           |                                      | Mua sắm, lắp đặt hệ thống kiểm soát ra vào trụ sở số 08 Võ Văn Kiệt (gồm hệ thống kiểm soát ra vào cổng chính và hệ thống cửa xoay kiểm soát ra vào cửa sau) | 1                 | 5.178.000.000   | 1                         | 5.178.000.000   |                                                      |                 |                            |
|           |                                      | Hệ thống màn hình LED cho hội trường số 8 Võ Văn Kiệt                                                                                                        | 1                 | 1.254.000.000   | 1                         | 1.254.000.000   |                                                      |                 |                            |
|           |                                      | Hệ thống trình chiếu phòng họp nhỏ tại lầu 2 tại trụ sở 12 Hàm Nghi                                                                                          | 1                 | 467.280.000     | 1                         | 467.280.000     |                                                      |                 |                            |
|           |                                      | Hệ thống âm thanh phòng họp nhỏ tại lầu 2 trụ sở 12 Hàm Nghi                                                                                                 | 1                 | 276.595.000     | 1                         | 276.595.000     |                                                      |                 |                            |
| 19        | Chi Cục PHKQ                         | Hệ thống báo chấn động Kho tiêu hủy                                                                                                                          | 1                 | 132.957.000     | 1                         | 132.957.000     |                                                      |                 |                            |
|           |                                      | Xe nâng hàng chạy điện (đơn vị đề nghị xe nâng hàng Mitsubishi FB15CB 1500kg)                                                                                | 2                 | 1.170.548.000   | 2                         | 1.170.548.000   |                                                      |                 |                            |
| 20        | Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng | Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa                                                                                                  | 1                 | 93.337.063.752  | 1                         | 93.337.063.752  |                                                      |                 |                            |
| 21        | Cục PH & KQ                          | 08 máy kiểm đếm, phân loại tiền                                                                                                                              | 8                 | 10.868.000.000  | 8                         | 10.868.000.000  |                                                      |                 | Cục PHKQ mua sắm tập trung |
|           |                                      | Máy tiêu hủy tiền cotton chuyên dùng (trang bị tại Cục PHKQ)                                                                                                 | 1                 | 66.500.000.000  |                           |                 | 1                                                    | 66.500.000.000  |                            |
|           |                                      | Máy tiêu hủy tiền cotton chuyên dùng (trang bị tại Chi Cục PHKQ)                                                                                             | 1                 | 66.500.000.000  |                           |                 | 1                                                    | 66.500.000.000  |                            |
|           |                                      | Xe hộ tổng vận chuyển tiền                                                                                                                                   | 3                 | 3.900.000.000   |                           |                 | 3                                                    | 3.900.000.000   |                            |
| TỔNG CỘNG |                                      |                                                                                                                                                              | 230               | 504.761.643.093 | 98                        | 179.951.806.693 | 132                                                  | 324.809.836.400 |                            |

**Ghi chú:** Đối với đề xuất mua sắm ô tô, do hiện nay NHNN chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định mức xe ô tô chuyên dùng nên NHNN chưa phê duyệt việc mua sắm mới xe ô tô theo đề nghị của các đơn vị.



**PHỤ LỤC 02a: CHI TIẾT KẾ HOẠCH MUA SẮM MÁY IN GIAO CỤC QUẢN TRỊ MUA SẮM TẬP TRUNG**  
(Đính kèm Quyết định số 363/QĐ-NHNN ngày 28/.../9/2022)

đvt: đồng

| TT | Tên đơn vị                             | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 1 |             | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2 |             | Máy in Laser A4 chuyên dùng |            |
|----|----------------------------------------|------------------------------------|-------------|------------------------------------|-------------|-----------------------------|------------|
|    |                                        | SL                                 | Giá KH      | SL                                 | Giá KH      | SL                          | Giá KH     |
| 1  | 00100 - Sở Giáo Dục                    | 2                                  | 159.000.000 |                                    |             |                             |            |
| 2  | 00300 - NHNN Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu |                                    |             | 1                                  | 52.000.000  |                             |            |
|    |                                        |                                    |             |                                    |             | 2                           | 74.000.000 |
| 3  | 00800 - NHNN Chi nhánh Bến Tre         |                                    |             | 1                                  | 52.000.000  |                             |            |
| 4  | 00900 - NHNN Chi nhánh Bình Dương      |                                    |             | 1                                  | 52.000.000  |                             |            |
| 5  | 01100 - NHNN Chi nhánh Bình Phước      |                                    |             |                                    |             | 1                           | 37.000.000 |
| 6  | 01600 - NHNN Chi nhánh Đà Nẵng         |                                    |             | 1                                  | 52.000.000  |                             |            |
|    |                                        |                                    |             |                                    |             | 1                           | 37.000.000 |
| 7  | 01800 - NHNN Chi nhánh Đắk Nông        |                                    |             | 1                                  | 52.000.000  |                             |            |
| 8  | 02000 - NHNN Chi nhánh Đồng Nai        |                                    |             | 1                                  | 52.000.000  |                             |            |
| 9  | 02200 - NHNN Chi nhánh Gia Lai         |                                    |             | 1                                  | 52.000.000  |                             |            |
| 10 | 02600 - NHNN Chi nhánh Hà Tĩnh         |                                    |             |                                    |             | 1                           | 37.000.000 |
| 11 | 03400 - NHNN Chi nhánh Kon Tum         |                                    |             |                                    |             | 1                           | 37.000.000 |
| 12 | 03500 - NHNN Chi nhánh Khánh Hòa       |                                    |             | 2                                  | 104.000.000 |                             |            |
|    |                                        |                                    |             |                                    |             | 1                           | 37.000.000 |
| 13 | 04000 - NHNN Chi nhánh Long An         |                                    |             |                                    |             | 2                           | 74.000.000 |
| 14 | 04300 - NHNN Chi nhánh Ninh Thuận      |                                    |             |                                    |             | 1                           | 37.000.000 |
| 15 | 04500 - NHNN Chi nhánh Phú Thọ         |                                    |             | 1                                  | 52.000.000  |                             |            |
| 16 | 04600 - NHNN Chi nhánh Phú Yên         |                                    |             | 1                                  | 52.000.000  |                             |            |
| 17 | 05000 - NHNN Chi nhánh Quảng Ngãi      |                                    |             | 1                                  | 52.000.000  |                             |            |
|    |                                        |                                    |             |                                    |             | 1                           | 37.000.000 |
| 18 | 05400 - NHNN Chi nhánh Tây Ninh        |                                    |             | 1                                  | 52.000.000  |                             |            |
| 19 | 05500 - NHNN Chi nhánh Tiền Giang      |                                    |             |                                    |             | 1                           | 37.000.000 |
| 20 | 05600 - NHNN Chi nhánh TP Hồ Chí Minh  |                                    |             | 1                                  | 52.000.000  |                             |            |
|    |                                        |                                    |             |                                    |             | 2                           | 74.000.000 |
| 21 | 05700 - NHNN Chi nhánh Tuyên Quang     |                                    |             |                                    |             | 1                           | 37.000.000 |
| 22 | 05800 - NHNN Chi nhánh Thái Bình       |                                    |             | 2                                  | 104.000.000 |                             |            |
|    |                                        |                                    |             |                                    |             | 2                           | 74.000.000 |

| TT | Tên đơn vị                                       | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 1 |                    | Máy in Laser A3 chuyên dùng loại 2 |                    | Máy in Laser A4 chuyên dùng |                    |
|----|--------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------|------------------------------------|--------------------|-----------------------------|--------------------|
|    |                                                  | SL                                 | Giá KH             | SL                                 | Giá KH             | SL                          | Giá KH             |
| 23 | 06800 - Cục Quản Trị                             |                                    |                    |                                    |                    | 6                           | 222.000.000        |
| 24 | 078ZZ - Cơ quan Thanh tra giám sát NH - Tổng hợp |                                    |                    | 2                                  | 104.000.000        |                             |                    |
|    |                                                  |                                    |                    |                                    |                    | 4                           | 148.000.000        |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                                 | <b>2</b>                           | <b>159.000.000</b> | <b>18</b>                          | <b>936.000.000</b> | <b>27</b>                   | <b>999.000.000</b> |

**Ghi chú:** Thông số kỹ thuật cơ bản máy in A3 chuyên dùng loại 1, máy in A3 chuyên dùng loại 2 và máy in A4 chuyên dùng tại phụ lục số 04, Quyết định số 2645/QĐ-NHNN ngày 31/12/2018



**PHỤ LỤC 02b: CHI TIẾT KẾ HOẠCH MUA SẮM MÁY PHOTOCOPY  
GIAO CỤC QUẢN TRỊ MUA SẮM TẬP TRUNG**

(Đính kèm Quyết định số 763./QĐ-NHNN ngày 28./4./2022)

đvt: đồng

| TT | Tên đơn vị                                       | Số lượng  | Giá kế hoạch         | Ghi chú                                                            |
|----|--------------------------------------------------|-----------|----------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1  | 00200 - NHNN Chi nhánh An Giang                  | 1         | 90.000.000           |                                                                    |
| 2  | 01900 - NHNN Chi nhánh Điện Biên                 | 1         | 90.000.000           |                                                                    |
| 3  | 02800 - NHNN Chi nhánh Hải Phòng                 | 1         | 90.000.000           |                                                                    |
| 4  | 03000 - NHNN Chi nhánh Hòa Bình                  | 1         | 90.000.000           |                                                                    |
| 5  | 04700 - NHNN Chi nhánh Quảng Bình                | 1         | 90.000.000           |                                                                    |
| 6  | 05900 - NHNN Chi nhánh Thái Nguyên               | 1         | 90.000.000           |                                                                    |
| 7  | 06000 - NHNN Chi nhánh Thanh Hóa                 | 1         | 90.000.000           |                                                                    |
| 8  | 06600 - Cục Công Nghệ Tin Học                    | 1         | 90.000.000           |                                                                    |
| 9  | 06800 - Cục Quản Trị                             | 4         | 360.000.000          | Trang bị cho Vụ Tín dụng, Đoàn Thanh niên, Văn phòng, Cục Quản trị |
| 10 | 078ZZ - Cơ quan Thanh tra giám sát NH - Tổng hợp | 2         | 180.000.000          |                                                                    |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                                 | <b>14</b> | <b>1.260.000.000</b> |                                                                    |

th



**PHỤ LỤC 03: CHI TIẾT KẾ HOẠCH MUA SẴM THIẾT BỊ TƯỜNG LỬA  
GIAO CỤC CNTT MUA SẴM TẬP TRUNG**

(Đính kèm Quyết định số ~~763~~../QĐ-NHNN ngày 28/4../2022)

đvt: đồng

| TT | Tên đơn vị                            | Số lượng | Giá trị     |
|----|---------------------------------------|----------|-------------|
| 1  | 00500 - NHNN Chi nhánh Bắc Cạn        | 1        | 360.000.000 |
| 2  | 00700 - NHNN Chi nhánh Bắc Ninh       | 1        | 360.000.000 |
| 3  | 00800 - NHNN Chi nhánh Bến Tre        | 1        | 360.000.000 |
| 4  | 00900 - NHNN Chi nhánh Bình Dương     | 1        | 360.000.000 |
| 5  | 01100 - NHNN Chi nhánh Bình Phước     | 1        | 360.000.000 |
| 6  | 01300 - NHNN Chi nhánh Cà Mau         | 1        | 360.000.000 |
| 7  | 01400 - NHNN Chi nhánh Cao Bằng       | 1        | 360.000.000 |
| 8  | 01500 - NHNN Chi nhánh Cần Thơ        | 1        | 360.000.000 |
| 9  | 01600 - NHNN Chi nhánh Đà Nẵng        | 1        | 360.000.000 |
| 10 | 01700 - NHNN Chi nhánh Đắk Lắk        | 1        | 360.000.000 |
| 11 | 01900 - NHNN Chi nhánh Điện Biên      | 1        | 360.000.000 |
| 12 | 02200 - NHNN Chi nhánh Gia Lai        | 1        | 360.000.000 |
| 13 | 02300 - NHNN Chi nhánh Hà Giang       | 1        | 360.000.000 |
| 14 | 02400 - NHNN Chi nhánh Hà Nam         | 1        | 360.000.000 |
| 15 | 02600 - NHNN Chi nhánh Hà Tĩnh        | 1        | 360.000.000 |
| 16 | 02700 - NHNN Chi nhánh Hải Dương      | 1        | 360.000.000 |
| 17 | 02800 - NHNN Chi nhánh Hải Phòng      | 1        | 360.000.000 |
| 18 | 02900 - NHNN Chi nhánh Hậu Giang      | 1        | 360.000.000 |
| 19 | 03000 - NHNN Chi nhánh Hòa Bình       | 1        | 360.000.000 |
| 20 | 03100 - NHNN Chi nhánh Thừa Thiên Huế | 1        | 360.000.000 |
| 21 | 03200 - NHNN Chi nhánh Hưng Yên       | 1        | 360.000.000 |
| 22 | 03300 - NHNN Chi nhánh Kiên Giang     | 1        | 360.000.000 |
| 23 | 03500 - NHNN Chi nhánh Khánh Hòa      | 1        | 360.000.000 |
| 24 | 03700 - NHNN Chi nhánh Lạng Sơn       | 1        | 360.000.000 |
| 25 | 03800 - NHNN Chi nhánh Lào Cai        | 1        | 360.000.000 |
| 26 | 03900 - NHNN Chi nhánh Lâm Đồng       | 1        | 360.000.000 |
| 27 | 04300 - NHNN Chi nhánh Ninh Thuận     | 1        | 360.000.000 |
| 28 | 04400 - NHNN Chi nhánh Nghệ An        | 1        | 360.000.000 |
| 29 | 04500 - NHNN Chi nhánh Phú Thọ        | 1        | 360.000.000 |
| 30 | 04600 - NHNN Chi nhánh Phú Yên        | 1        | 360.000.000 |
| 31 | 04800 - NHNN Chi nhánh Quảng Nam      | 1        | 360.000.000 |
| 32 | 05000 - NHNN Chi nhánh Quảng Ngãi     | 1        | 360.000.000 |
| 33 | 05100 - NHNN Chi nhánh Quảng Trị      | 1        | 360.000.000 |
| 34 | 05200 - NHNN Chi nhánh Sóc Trăng      | 1        | 360.000.000 |
| 35 | 05300 - NHNN Chi nhánh Sơn La         | 1        | 360.000.000 |
| 36 | 05500 - NHNN Chi nhánh Tiền Giang     | 1        | 360.000.000 |
| 37 | 05700 - NHNN Chi nhánh Tuyên Quang    | 1        | 360.000.000 |

| TT | Tên đơn vị                       | Số lượng  | Giá trị               |
|----|----------------------------------|-----------|-----------------------|
| 38 | 05800 - NHNN Chi nhánh Thái Bình | 1         | 360.000.000           |
| 39 | 06000 - NHNN Chi nhánh Thanh Hóa | 1         | 360.000.000           |
| 40 | 06200 - NHNN Chi nhánh Vĩnh Long | 1         | 360.000.000           |
| 41 | 06300 - NHNN Chi nhánh Vĩnh Phúc | 1         | 360.000.000           |
| 42 | 06400 - NHNN Chi nhánh Yên Bái   | 1         | 360.000.000           |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                 | <b>42</b> | <b>15.120.000.000</b> |

Q4